



**Dự thảo nội dung cấp và quản lý mã số rừng
trồng sản xuất của Thông tư Quy định chi
tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp**



CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ CẤP MSVT



Điều 64 Luật Trồng trọt quy định về cấp MSVT



- Việc cấp mã số vùng trồng (MSVT) và mã số cơ sở đóng gói (CSĐG) xuất khẩu được Việt Nam bắt đầu triển khai từ năm 2008 trên cơ sở căn cứ pháp lý là Công ước quốc tế về bảo vệ thực vật (IPPC), các tiêu chuẩn quốc tế về kiểm dịch thực vật ISPM, quy định của các nước nhập khẩu Mỹ, Úc, Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, EU, Malaysia...
- Tuy nhiên, chưa có bộ khung pháp lý (Nghị định, thông tư...) quy định việc cấp, quản lý và sử dụng MSVT, CSĐG. chưa quy định quy trách nhiệm trong cấp và quản lý mã số vùng trồng; Chưa thực hiện được việc truy xuất do chuỗi cung ứng bị đứt gãy; hàng hóa mua qua nhiều khâu trung gian, khó kiểm soát về chất lượng sản phẩm. Điều 64 Luật Trồng trọt mới chỉ có quy định hướng dẫn cấp mã số vùng trồng mà chưa có quy định hướng dẫn cấp và quản lý CSĐG.
- **Chưa có quy định cấp MSVT cho rừng trồng.**

CĂN CỨ PHÁP LÝ THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM CẤP MSVT

- Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định trách nhiệm Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm thực hiện “Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin trong quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản; hệ thống về cấp và quản lý mã số vùng trồng rừng nguyên liệu phục vụ truy xuất nguồn gốc lâm sản gắn với quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng; xây dựng cơ sở dữ liệu để ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;”.
- Căn cứ Quyết định số 2326/QĐ-BNN-LN ngày 13/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin ngành công nghiệp chế biến gỗ” thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 có nội dung về “Xây dựng hệ thống quản lý rừng trồng thông qua việc thiết lập **và thực hiện cấp mã số vùng trồng rừng nguyên liệu cho khoảng 25.000 ha tại 5 tỉnh vùng núi phía Bắc**.”
- Căn cứ Thông báo kết luận số 1418/TB-BNN-VP ngày 10/03/2023 và Thông báo kết luận số 922/TB-BNN-VP ngày 22/02/2023 giao Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm xây dựng kế hoạch triển khai các vùng nguyên liệu trồng rừng chuẩn, có mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc để đảm bảo các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng xuất khẩu đáp ứng với các tiêu chuẩn thương mại.





DỰ KIẾN NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CẤP VÀ QUẢN LÝ MÃ SỐ RỪNG TRỒNG

✓ Luật Lâm nghiệp

Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lâm nghiệp: Đã bổ sung tại điểm c khoản 16 Điều 8: “Hướng dẫn, kiểm tra việc điều tra rừng, kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng và lập hồ sơ quản lý rừng; mã số rừng trồng; lập và quản lý cơ sở dữ liệu rừng; giám sát, đánh giá tài nguyên rừng.

✓ Thông tư

Về hoàn thiện cơ sở pháp lý về cấp mã số rừng trồng trong Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm: Đã xây dựng dự thảo Thông tư tại các Điều 20, 21, 22 và 23 Mục 4 Chương II về Cấp và quản lý mã số rừng trồng sản xuất.





DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ CẤP VÀ QUẢN LÝ MÃ SỐ RỪNG TRỒNG

Điều 15. Thông tin và nguyên tắc cấp mã số rừng trồng sản xuất

1. Thông tin mã số rừng trồng sản xuất:

- a) Thông tin về chủ rừng: Họ và tên, địa chỉ của chủ rừng.
- b) Thông tin về diện tích rừng cấp mã số: Số hiệu lô, khoảnh, tiểu khu rừng, xã, tỉnh; diện tích; toạ độ địa lý; loài cây trồng, năm trồng của lô rừng.
- c) Thông tin của mã số rừng trồng sản xuất quy định tại Mẫu số 02, Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

2. Nguyên tắc

- a) Mã số rừng trồng sản xuất được cấp dựa trên cơ sở tự nguyện của chủ rừng;
- b) Mã số rừng trồng sản xuất được cấp cho chủ rừng, khuyến khích các chủ rừng đề nghị cấp mã số rừng trồng sản xuất theo nhóm có diện tích tối thiểu từ 100 ha trở lên.
- c) Quá trình cấp mã số phải công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ rừng.
- d) Mã số rừng trồng chỉ được cấp cho diện tích rừng trồng sản xuất thuộc quy hoạch lâm nghiệp, được trồng trên diện tích đất sử dụng hợp pháp của chủ rừng theo quy định của pháp luật.



DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ CẤP VÀ QUẢN LÝ MÃ SỐ RỪNG TRỒNG

Điều 16. Thẩm quyền và trình tự thực hiện

1. Thẩm quyền cấp mới, cấp lại, cấp thay thế mã số rừng trồng sản xuất là Chi cục Kiểm lâm hoặc Cơ quan chuyên ngành thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương).

2. Đối tượng cấp lại, cấp thay thế mã số rừng trồng sản xuất

a) Cấp lại trong trường hợp chủ rừng khắc phục được các vi phạm dẫn đến bị thu hồi mã số rừng trồng quy định tại khoản 2 Điều Thông tư này.

b) Cấp thay thế trong trường hợp bản giấy đã được cấp bị mất, bị hỏng hoặc có sai sót về thông tin.

3. Hồ sơ đề nghị cấp mã số rừng trồng sản xuất

a) Hồ sơ đề nghị cấp mới, gồm: Đơn đề nghị cấp mã số rừng trồng được Ủy ban nhân dân xã xác nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; Bản chính giấy uỷ quyền của các chủ rừng cho trưởng nhóm theo Mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp chủ rừng đề nghị cấp mã số rừng trồng theo nhóm.

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại, cấp thay thế mã số rừng trồng sản xuất: Đơn đề nghị cấp lại, cấp thay thế theo Mẫu số 04 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.



DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ CẤP VÀ QUẢN LÝ MÃ SỐ RỪNG TRỒNG

Điều 16. Thẩm quyền và trình tự thực hiện

4. Trình tự thực hiện cấp mới mã số rừng trồng sản xuất

- a) Chủ rừng hoặc người được chủ rừng ủy quyền gửi Đơn đề nghị cấp mã số rừng trồng sản xuất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này đến Ủy ban nhân dân xã đề nghị xác nhận các thông tin về mã số rừng trồng sản xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này.
- b) Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị cấp mã số rừng trồng sản xuất hợp lệ và thông tin mã số rừng trồng sản xuất chính xác Ủy ban nhân dân xác nhận Đơn đề nghị cấp mã số rừng trồng sản xuất cho chủ rừng; trường hợp thông tin mã số rừng trồng sản xuất trong Đơn đề nghị cấp mã số rừng trồng sản xuất chưa chính xác, Ủy ban nhân dân xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do để chủ rừng sửa đổi, bổ sung.
- c) Chủ rừng hoặc người được chủ rừng ủy quyền gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương.
- d) Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử; trường hợp hồ sơ chưa đủ thành phần theo quy định, Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- e) Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trường hợp thông tin về diện tích rừng trồng sản xuất cấp mã số quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này chưa đồng bộ với thông tin trên hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng (FRMS), Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác minh lại thông tin chưa đồng bộ.
- f) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, thông tin về diện tích rừng trồng sản xuất cấp mã số quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư này chính xác và đồng bộ với thông tin trên hệ thống theo dõi diễn biến tài nguyên rừng (FRMS), Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương và tiến hành cấp mã số rừng trồng theo Mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện gắn mã số QR cho mỗi mã số rừng trồng và đảm bảo cập nhật dữ liệu phục vụ cho việc tra cứu thông tin.



DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ CẤP VÀ QUẢN LÝ MÃ SỐ RỪNG TRỒNG

Điều 16. Thẩm quyền và trình tự thực hiện

5. Trình tự thực hiện cấp lại, cấp thay thế mã số rừng trồng sản xuất

- a) Chủ rừng gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản điểm b khoản 3 Điều này trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử đến Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương.
- b) Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đủ thành phần theo quy định, Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương thông báo bằng văn bản cho chủ rừng và nêu rõ lý do.
- c) Trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương thực hiện cấp lại, cấp thay thế mã số rừng trồng sản xuất theo Mẫu số 03 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.



DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ CẤP VÀ QUẢN LÝ MÃ SỐ RỪNG TRỒNG

Điều 17. Quản lý và giám sát mã số rừng trồng sản xuất

1. Quản lý và lưu trữ hồ sơ

a) Chủ rừng quản lý hồ sơ và mã số rừng trồng sản xuất được cấp; thông tin cho Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương khi có sự thay đổi về chủ rừng; diện tích rừng được cấp mã số.

b) Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương có trách nhiệm lập hồ sơ và lưu trữ hồ sơ mã số rừng trồng sản xuất để quản lý và truy xuất nguồn gốc gỗ, lâm sản; cập nhật sự thay đổi đối với diện tích rừng trồng sản xuất được cấp mã số và công bố mã số rừng trồng được cấp lên website của cơ quan.

2. Thu hồi mã số rừng trồng sản xuất

Thu hồi xác nhận mã số rừng trồng sản xuất trong các trường hợp sau:

- a) Khi chủ rừng đề nghị không có nhu cầu sử dụng mã số rừng trồng sản xuất.
- b) Khi thay đổi về chủ rừng mà không báo với Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương trong thời hạn 12 tháng.
- c) Chủ rừng có hành vi gian lận thông tin liên đến mã số rừng trồng sản xuất như: làm giả, thay đổi, sửa đổi thông tin trên mã số.

3. Cách thức thu hồi mã số rừng trồng sản xuất bị thu hồi

Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương có trách nhiệm thu hồi mã số rừng trồng sản xuất của chủ rừng, đồng thời thông báo việc thu trên website của Cơ quan.

4. Xử lý mã số rừng trồng sản xuất bị thu hồi: Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương có trách nhiệm lưu giữ mã số rừng trồng bị thu hồi trong vòng 5 năm.



DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ CẤP VÀ QUẢN LÝ MÃ SỐ RỪNG TRỒNG

Điều 18. Trách nhiệm thực hiện cấp mã số rừng trồng sản xuất

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương: Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng mã số rừng trồng sản xuất; thực hiện việc cấp, cấp lại, thu hồi mã số rừng trồng sản xuất theo đề nghị của chủ rừng trên địa bàn, bảo đảm đúng quy định của pháp luật

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chỉ đạo Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện cấp và quản lý mã số rừng trồng sản xuất tại địa phương theo quy định của pháp luật; công khai danh sách các mã số rừng trồng sản xuất đã cấp, thu hồi trên trang web của sở phục vụ việc tra cứu thông tin về mã số rừng trồng sản xuất của các chủ rừng, các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc truy xuất nguồn gốc gỗ và lâm sản.

3. Chủ rừng

a) Có trách nhiệm quản lý, sử dụng mã số rừng trồng sản xuất đúng mục đích, phục vụ việc truy xuất nguồn gốc lâm sản và tuân thủ các quy định của pháp luật.

b) Chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ khi có sự thay đổi về diện tích, chủ rừng, chủ đất của lô rừng được cấp mã, Chủ rừng cần báo ngay cho Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương để được cập nhật, điều chỉnh theo quy định.

c) Việc khai thác gỗ và lâm sản trong rừng trồng sản xuất được cấp mã số phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, khai thác và truy xuất nguồn gốc lâm sản.”